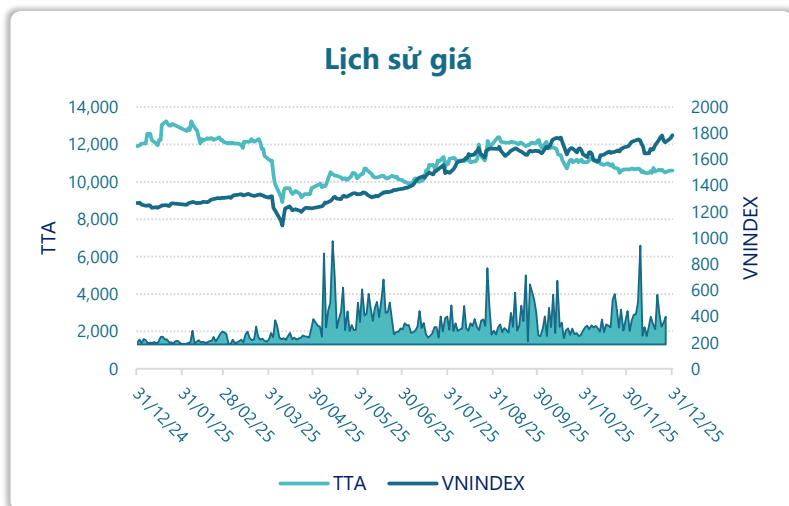


CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành (HSX: TTA)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	10,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,238
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,914
SL cổ phiếu LH	178,559,087
KLGD BQ 20 phiên (CP)	110,020
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,893
P/E	6.0
EPS	1,779

DT thuần

Q4/25

392

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 186 | 90.3%

YoY: ▲ 223 | 132%

LN sau thuế

Q4/25

129

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 48.1 | 60.0%

YoY: ▲ 91.8 | 248%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

50.2%

+/- YoY: ▼ 3.6%

DT thuần

2025

935

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 201 | 27.3%

LN sau thuế

2025

318

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 86.0 | 37.2%

ROE

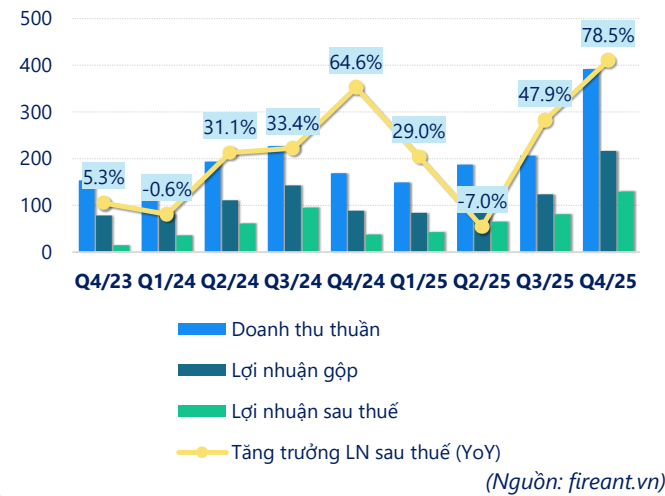
2025

14.0%

+/- YoY: ▲ 2.8%

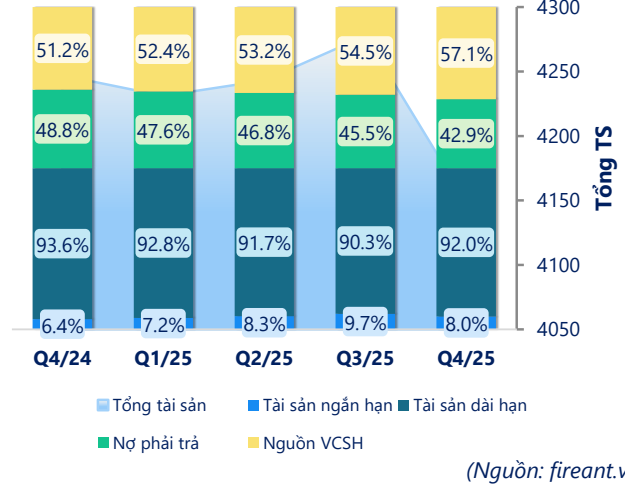
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

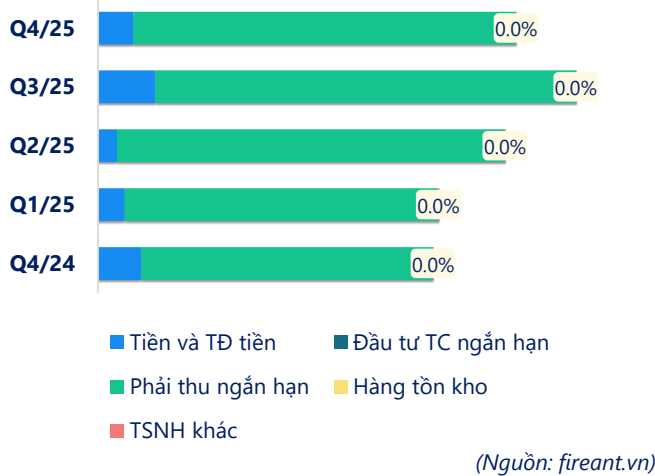


Cơ cấu Tổng tài sản

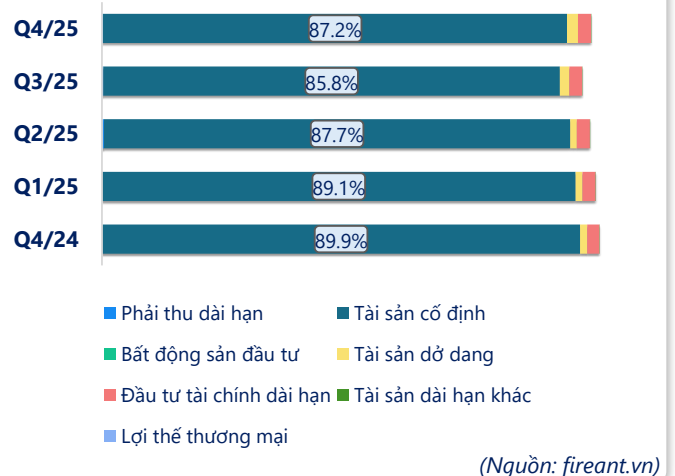
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

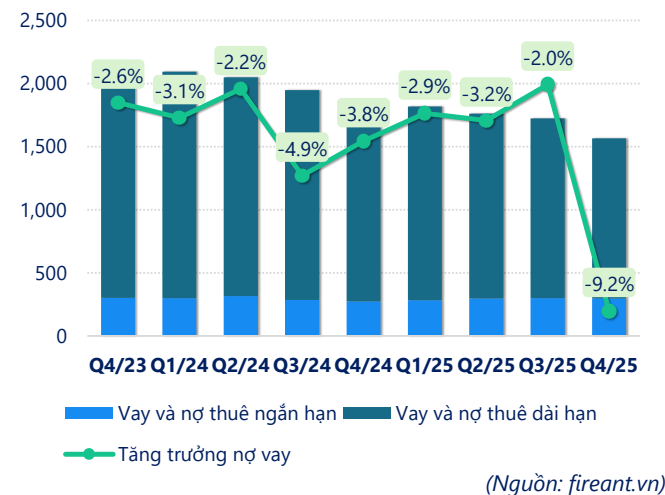


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



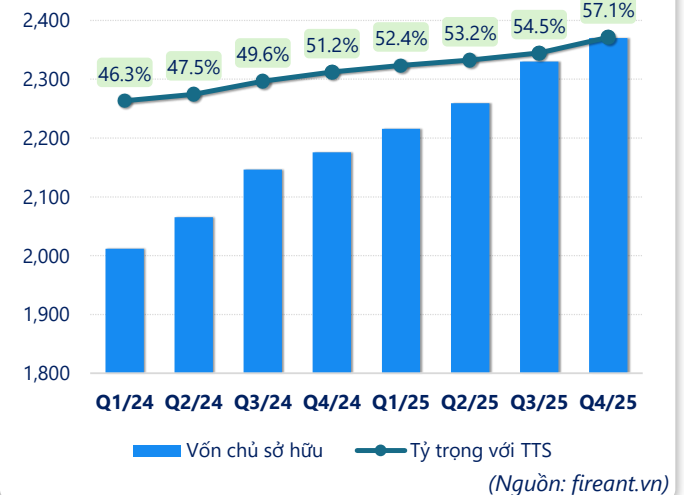
tỷ VNĐ

Nợ vay

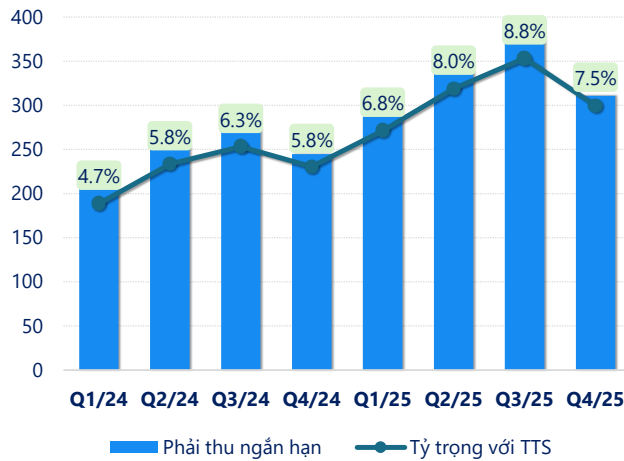


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

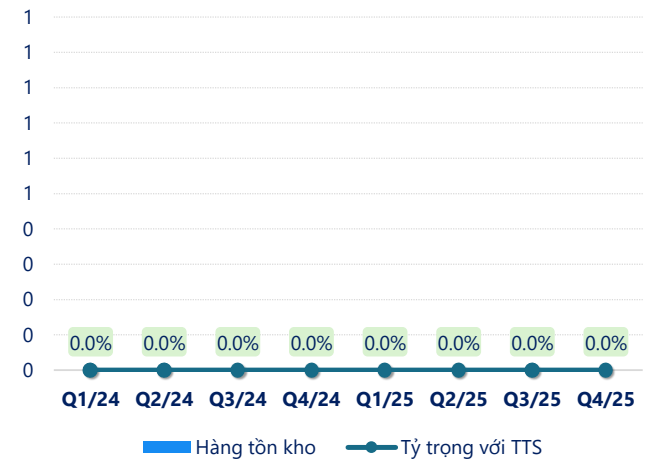


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


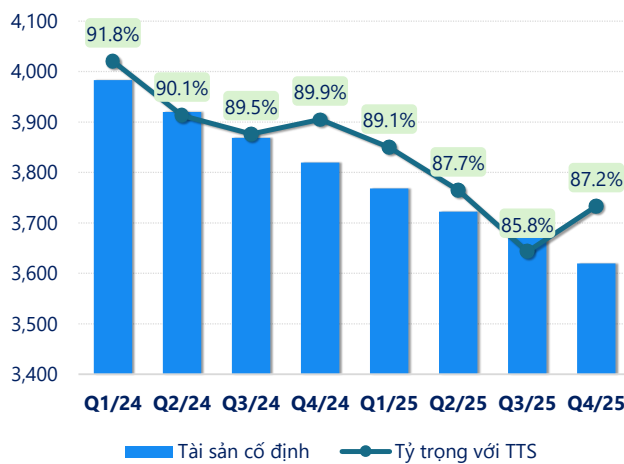
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


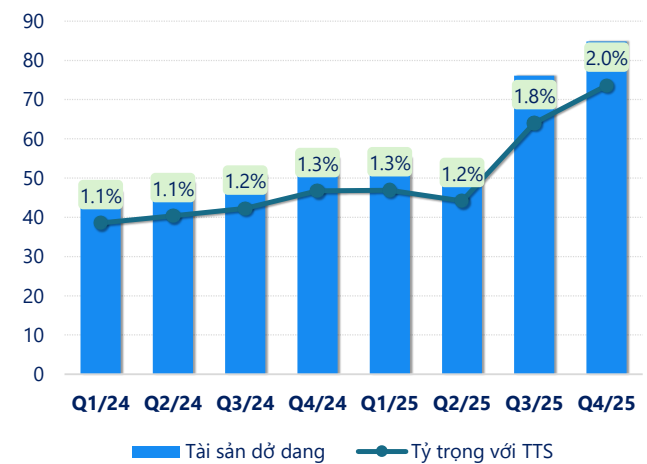
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

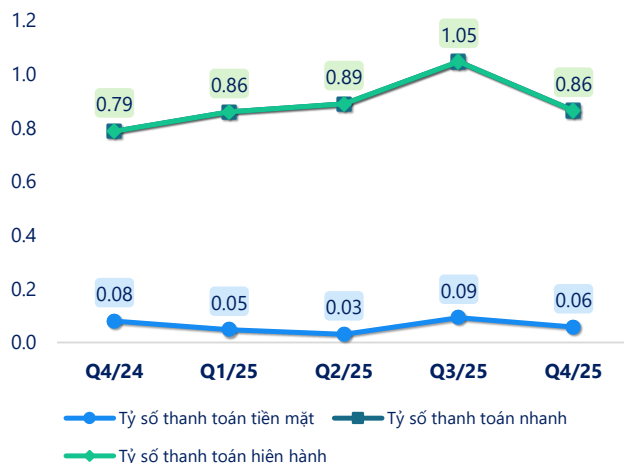
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

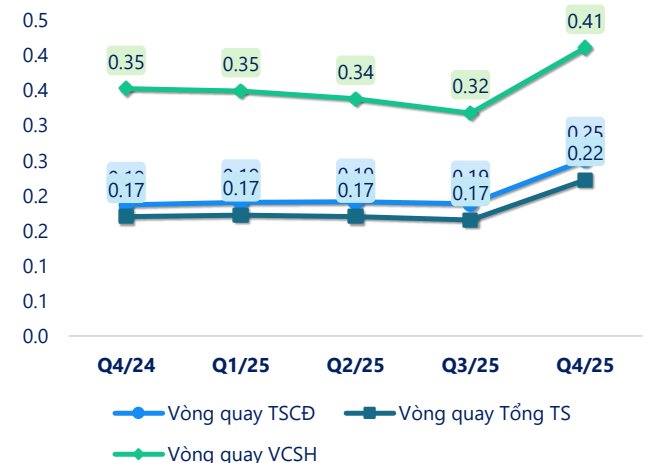
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	4,247	4,231	4,243	4,278	4,149
Tài sản ngắn hạn	273	305	351	416	333
Tiền và tương đương tiền	27.7	17.0	12.1	36.8	22.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	245	287	338	378	311
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.43	0.57	0.11	0.89	0.18
Tài sản dài hạn	3,974	3,927	3,893	3,862	3,816
Phải thu dài hạn	0	0	15.0	12.0	9.50
Tài sản cố định	3,820	3,769	3,723	3,671	3,620
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	55.1	55.2	52.1	76.1	84.8
Đầu tư tài chính dài hạn	99.3	103	103	103	102
Tài sản dài hạn khác	0.08	0.07	0.16	0.19	0.18
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,071	2,015	1,984	1,948	1,779
Nợ ngắn hạn	347	355	394	397	385
Vay và nợ thuê ngắn hạn	274	282	296	299	298
Phải trả người bán ngắn hạn	3.37	3.37	3.86	5.26	4.60
Nợ dài hạn	1,725	1,661	1,589	1,550	1,393
Vay và nợ thuê dài hạn	1,599	1,536	1,464	1,425	1,268
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,176	2,216	2,259	2,330	2,370
Vốn chủ sở hữu	2,176	2,216	2,259	2,330	2,370
Vốn điều lệ	1,701	1,701	1,701	1,701	1,786
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)